

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2020

[Dự thảo]

## ĐỀ ÁN

**Cho vay hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn ngân sách địa phương đối với các phường, thị trấn và các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND ngày / /2020 của HĐND tỉnh Ninh Thuận)

### Phần thứ nhất

## SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

### I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

#### 1. Sự cần thiết phải xây dựng đề án

- Trong những năm qua, công tác giải quyết việc làm cho người lao động là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, luôn được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành các cấp quan tâm lãnh, chỉ đạo và tích cực triển khai thực hiện. Hằng năm, đã giới thiệu và tạo việc làm bình quân trên 16.500 lao động. Trong đó, lao động làm việc trong tỉnh chiếm khoảng từ 30-32%. Đặc biệt, việc cho vay từ nguồn quỹ Quốc gia về việc làm trong những năm qua đã thực hiện giải quyết việc làm cho người lao động tại chỗ, góp phần tích cực nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động và gia đình, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tuy nhiên, việc tạo việc làm trong tỉnh chiếm tỷ lệ còn thấp, làm cho lực lượng lao động của tỉnh, nhất là những lao động có trình độ, tay nghề cao thường có xu hướng đi ra tỉnh ngoài làm việc, tạo ra sự di cư lao động có trình độ tay nghề đi làm việc ngoài tỉnh, làm lãng phí nguồn lao động phục vụ phát triển kinh tế tại địa phương.

- Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương đẩy mạnh xây dựng và phát triển các khu vực thành thị tại các phường, thị trấn và thực hiện mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các xã trên địa bàn, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo tại các phường, thị trấn và các xã đạt chuẩn nông thôn mới ngày càng giảm thấp (tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2019 của thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: 1,97%; huyện Ninh Hải: 2%; huyện Ninh Phước: 3,69%), vì vậy đối tượng thụ hưởng các chương trình tín dụng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các địa phương này không còn nhiều mà chủ yếu là đối tượng vay chương trình hộ mới thoát nghèo. Việc thực hiện cho vay đối với hộ mới thoát nghèo trong thời gian qua đã tạo điều

kiện cho nhiều hộ mới thoát nghèo tiếp tục được vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh, giúp duy trì được việc làm, tăng thu nhập vươn lên thoát nghèo bền vững. Tuy nhiên, đối tượng hộ mới thoát nghèo chỉ được vay vốn trong phạm vi 3 năm kể từ khi thoát nghèo. Đến ngày 31/01/2020 dư nợ cho vay hộ mới thoát nghèo là 581,6 tỷ đồng, với 23.503 hộ đang vay, trong đó dư nợ cho vay tại các phường, thị trấn và các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019 là 533,93 tỷ đồng với 21.892 hộ vay còn dư nợ. Nếu xét chu kỳ bình quân cho vay 5 năm, thì hàng năm có khoảng 4.701 hộ đến hạn phải trả nợ (trong đó các phường, thị trấn và các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới là 4.378 hộ) và không tiếp tục thuộc đối tượng được vay vốn hộ mới thoát nghèo nữa mà chuyển sang là đối tượng cho vay của chương trình cho vay giải quyết việc làm. Trong số này có nhiều hộ chưa thể tự tạo được nguồn vốn tự có để tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Nếu không tiếp tục được hỗ trợ vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) thì chắc chắn sẽ thiếu vốn đầu tư sản xuất kinh doanh và sẽ thiếu việc làm, không có thu nhập và sẽ dẫn đến nguy cơ tái nghèo. Bên cạnh đó cũng còn nhiều hộ trong quá trình sử dụng vốn bị ảnh hưởng bởi nhiều nguyên nhân khách quan như điều kiện khí hậu khắc nghiệt, giá cả bấp bênh, dịch bệnh... làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn nên chưa thể thoát nghèo bền vững, có nguy cơ tái nghèo nếu không tiếp tục được hỗ trợ vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh.

- Những hộ mới thoát nghèo chưa bền vững tại các phường, thị trấn, các xã đạt chuẩn nông thôn mới và những hộ đang vay vốn sản xuất kinh doanh tại các xã vùng khó khăn nay đã đạt chuẩn nông thôn mới thời gian tới sẽ không tiếp tục còn là đối tượng được thụ hưởng chính sách tín dụng các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn do NHCSXH đang thực hiện mà chỉ còn là đối tượng của chương trình cho vay giải quyết việc làm. Tuy nhiên, trong những năm qua, nguồn vốn từ Quỹ quốc gia Trung ương giao bổ sung về cho tỉnh tăng thấp, từ năm 2013 đến cuối năm 2019 chỉ được 3,1 tỷ đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam giao tăng 40 tỷ đồng từ vốn huy động. Vì vậy nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm chưa thể đáp ứng nhu cầu vay vốn tạo việc làm tại chỗ của lao động, nhất là các hộ mới thoát nghèo nhưng chưa bền vững tại các địa bàn phường, thị trấn, các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới. Do nguồn vốn có hạn nên mức cho vay bình quân hiện nay mới đạt 30 triệu đồng/1 hộ.

- Với nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm hiện nay chỉ có 117.811 tỷ đồng (bao gồm cả vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm và vốn huy động được Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam giao), hàng năm thu hồi nợ đến hạn (khoảng 30% số dư nợ cho vay là 32,6 tỷ đồng) chỉ có thể cho vay để tạo việc làm, duy trì và ổn định việc làm cho từ 1.000-1.200 lao động. Đáp ứng khoản 10% lao động cần tạo việc làm hàng năm, chưa kể các hộ mới thoát nghèo nhưng chưa bền vững tại các địa bàn phường, thị trấn, các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và các hộ đang vay vốn sản xuất kinh doanh tại các xã vùng khó khăn nay đã đạt

chuẩn nông thôn mới đến hạn trả nợ và không tiếp tục được vay vốn các chương trình đang vay, dẫn đến việc duy trì thành quả giảm nghèo và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững gặp nhiều khó khăn. Hộ vay không được tiếp tục vay vốn tín dụng chính sách xã hội sẽ dễ dẫn đến nguy cơ tái nghèo cao, từ đó sẽ ảnh hưởng đến việc khó thực hiện mục tiêu như giảm tỷ lệ hộ nghèo, giảm tỷ lệ thất nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xuất phát từ tình hình thực tế nêu trên, việc xây dựng chính sách cho vay hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có sự tham gia của nguồn vốn ngân sách địa phương đối với các phường, thị trấn và các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2020-2025 là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng, là đòn bẩy để đẩy mạnh giải quyết việc làm tại khu đô thị và duy trì bền vững thành quả giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội tại các xã nông thôn mới nói riêng, của tỉnh Ninh Thuận nói chung.

## **2. Các căn cứ để xây dựng Đề án**

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 9/07/2015 của Chính phủ;

- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động Thương binh xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2015/TT-BLĐTBXH;

- Thông tư số 54/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm;

- Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 16/02/2017 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn tỉnh;

- Thông báo số 643-TB/TU ngày 03/09/2019 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về kết luận tại Hội nghị sơ kết 05 năm tình hình thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW;

- Kế hoạch số 4162/KH-UBND ngày 03/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện thông báo số 643-TB/TU ngày 03/09/2019 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về kết luận tại Hội nghị sơ kết 05 năm tình hình thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW.

## **II. PHẠM VI XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Thực hiện cho vay tại các phường, thị trấn và các xã đạt chuẩn nông thôn mới tính đến hết năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

## **III. THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN: Từ năm 2021 – 2025.**

### **Phần thứ hai**

#### **MỤC TIÊU, NỘI DUNG, NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

#### **I. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHO VAY MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TẠI CÁC PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

##### **1. Cho vay giải quyết việc làm**

- Tính đến ngày 31/01/2020, nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn huy động từ Ngân hàng chính sách xã hội Trung ương phân bổ giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quản lý để cho vay là 117.811 tỷ đồng. Dư nợ cho vay toàn tỉnh đến ngày 31/01/2020 là 108,2 tỷ đồng, với 3.944 hộ vay còn dư nợ đang được sử dụng vốn, bình quân dư nợ 01 hộ hơn 27 triệu đồng. Trong đó, dư nợ cho vay tại các phường, thị trấn và 26 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới là 98,5 tỷ đồng/ với 3.706 hộ vay còn dư nợ.

- Tuy nhiên, những năm qua do nguồn vốn ít nên chưa thể đáp ứng được nhu cầu vay vốn tạo việc làm tại địa phương của lao động, làm cho lực lượng lao động của tỉnh, nhất là những lao động có trình độ, tay nghề cao thường có xu hướng đi ra tỉnh ngoài làm việc, tạo ra sự di cư lao động có trình độ tay nghề đi làm việc ngoài tỉnh, làm lãng phí nguồn lao động phục vụ phát triển kinh tế tại địa phương.

- Qua số liệu khảo sát của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại các phường, thị trấn và các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, toàn tỉnh có 297.311 người trong độ tuổi lao động. Trong đó có 265.493 lao động đã có việc làm, còn lại 31.818 lao động chưa có việc làm hoặc có việc làm không thường xuyên cần tạo việc làm ổn định. Trong số này, có 19.370 lao động chiếm tỷ lệ 60,87% có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm; 8.042 lao động muốn có việc làm nhưng chưa có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm; 4.406 lao động không có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm.

##### **2. Cho vay hộ mới thoát nghèo**

- Việc cho vay hộ mới thoát nghèo được thực hiện theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó các hộ thoát nghèo trong phạm vi 3 năm sẽ được vay vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tính đến ngày 31/01/2020, tổng dư nợ cho vay đối với hộ mới thoát nghèo do Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đang cho vay là 581,6 tỷ đồng, với 23.503 hộ đang vay, trong đó dư nợ cho tại các phường, thị trấn và các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới đến đầu năm 2020 là 533,93 tỷ đồng với 21.892 hộ vay còn dư nợ. Trong 5 năm tới có 21.892 hộ vay vốn tại các phường, thị trấn và các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới đến hạn trả nợ, bình quân là 4.378 hộ/ năm và không tiếp tục còn là đối tượng được vay vốn hộ mới thoát nghèo nữa, mà chuyển sang là đối tượng cho vay của chương trình cho vay giải quyết việc làm.

- Qua số liệu khảo sát của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổng hợp có 21.892 hộ đang vay vốn chương trình hộ thoát nghèo tại các phường, thị trấn và các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới đến hạn trả nợ trong 5 năm tới cụ thể như sau:

+ Có 2.329 hộ không có nhu cầu tiếp tục vay vốn.

+ Số hộ đến hạn trả hết nợ, nhưng chưa thoát nghèo bền vững, có nhu cầu tiếp tục vay vốn giải quyết việc làm là 11.160 hộ.

+ Số hộ đến hạn trả hết nợ, nhưng chưa đủ vốn để tiếp tục đầu tư, có nhu cầu tiếp tục vay vốn giải quyết việc làm là 8.402 hộ

Đối với những hộ này, nếu không tiếp tục được hỗ trợ vay vốn tín dụng từ NHCSXH chắc chắn sẽ thiếu vốn để đầu tư sản xuất kinh doanh dẫn đến thiếu việc làm, không có thu nhập và sẽ dẫn đến nguy cơ tái nghèo.

### **3. Cho vay đối với hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn**

- Việc cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại các xã thuộc danh mục vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được triển khai thực hiện từ năm 2007 theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 03/05/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn. Đến ngày 31/01/2020, tổng dư nợ cho vay đối với hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn do Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đang cho vay là 292,4 tỷ đồng, với 9.931 hộ đang dư nợ. Trong đó dư nợ cho vay tại các xã vùng khó khăn đã đạt chuẩn nông thôn mới là 109,98 tỷ đồng với 4.034 hộ vay đang còn dư nợ. Trong đó có 4.014 hộ với dư nợ 108,9 tỷ đồng sẽ đến hạn trong giai đoạn 2020-2025.

- Qua kết quả khảo sát của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có 4.014 hộ đang vay vốn chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn tại các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới sẽ đến hạn trả nợ trong 5 năm tới cụ thể:

+ Có 1.360 hộ là đồng bào dân tộc thiểu số, sẽ tiếp tục là đối tượng được vay vốn chương trình cho vay vùng khó khăn.

+ Còn lại 2.654 hộ vay vốn là dân tộc kinh sẽ không còn thuộc đối tượng được tiếp tục vay vốn chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. (Trong đó: Có 433 hộ trả hết nợ không có nhu cầu tiếp tục vay vốn; Còn

2.221 hộ chưa đủ vốn để tự tạo việc làm nên có nhu cầu tiếp tục vay vốn giải quyết việc làm).

- Từ thực trạng nêu trên, để giúp các phường, thị trấn và các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển kinh tế ổn định, giải quyết việc làm cho lao động đồng thời duy trì bền vững thành quả giảm nghèo, giữ vững tiêu chí về hộ nghèo tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới, cần phải tập trung được nguồn vốn từ Trung ương, địa phương để tiếp tục hỗ trợ vốn vay cho lao động tạo việc làm, cho các hộ không còn thuộc đối tượng thụ hưởng chương trình hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc kinh vay vốn chương trình cho vay vùng khó khăn của các xã đạt chuẩn nông thôn mới chưa tạo được nguồn vốn tự có, có cơ hội được vay vốn chương trình cho vay tạo việc làm, duy trì và mở rộng giải quyết việc làm tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Như vậy, tổng số lao động có nhu cầu vay vốn giai đoạn 2021- 2025 là: 29.993 lao động, trong đó:

+ Nhu cầu cần vay giải quyết việc làm: 19.370 lao động

+ Nhu cầu vay vốn hộ mới thoát nghèo hết vay vốn không còn thuộc đối tượng vay chương trình hộ mới thoát nghèo: 8.402 lao động

+ Nhu cầu vay vốn của các hộ vay tại các xã vùng khó khăn đã đạt chuẩn nông thôn mới không còn thuộc đối tượng vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn: 2.221 lao động

## **II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Mục tiêu chung**

- Cùng với các nguồn lực khác đảm bảo cho lực lượng lao động trong độ tuổi có khả năng lao động, sẵn sàng làm việc đều có cơ hội tìm được việc làm và để có thu nhập ổn định, cải thiện đời sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đáp ứng nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho lao động trên địa bàn, tập trung vào địa bàn các phường, thị trấn, các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nhằm giữ vững và tăng cường thành quả giảm nghèo bền vững.

- Tạo việc làm và duy trì mở rộng việc làm cho người lao động; giúp người thất nghiệp, người thiếu việc làm tự tạo việc làm, qua đó từng bước nâng cao điều kiện sống của những hộ có thu nhập thấp; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các xã nông thôn mới, các xã thuộc vùng khó khăn đã đạt chuẩn nông thôn mới. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, giúp giữ vững và nâng cao các tiêu chí của xã đạt chuẩn nông thôn mới, góp phần giảm nghèo bền vững, đồng thời góp phần củng cố và tăng cường

niềm tin của Nhân dân đối với việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

## 2. Mục tiêu cụ thể

Bình quân hàng năm thực hiện cho vay vốn giải quyết việc làm là 6.000 lao động (chiếm 36 % trên tổng số lao động được giải quyết việc làm).

- Tổng nguồn vốn cho vay giai đoạn 2021- 2025: 350 tỷ đồng (bình quân 70 tỷ đồng/năm)

- Với mức cho vay bình quân từ 45 -50 triệu đồng/01 lao động.

- Một năm chỉ đáp ứng cho vay được 1.400 – 1.500 lao động (đối với mục tiêu đề ra là 6.000 lao động/năm chỉ đạt ở mức 23 – 26%)

## III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- Dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện đề án trong giai đoạn 2021 - 2025 là: 350 tỷ đồng (bao gồm trung ương và địa phương).

*Trong đó:*

+ Nguồn vốn mới bổ sung (Trung ương) : 100 tỷ đồng

+ Nguồn vốn từ ngân sách địa phương : 50 tỷ đồng

+ Nguồn vốn cho vay đến hạn thu hồi (TW+ ĐP) : 200 tỷ đồng

*( Trung ương 180 tỷ đồng; địa phương 20 tỷ đồng)*

- Sau khi thời gian thực hiện Đề án kết thúc thì nguồn vốn này hòa vào nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để tiếp tục cho vay.

## IV. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, CƠ CHẾ CHO VAY

### 1. Đối tượng được vay vốn giải quyết việc làm

Người lao động có nhu cầu vay vốn duy trì và mở rộng việc làm.

### 2. Điều kiện vay vốn

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

### 3. Cơ chế cho vay

#### 3.1. Nguyên tắc cho vay

- Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay;

- Khách hàng vay vốn phải trả đầy đủ nợ gốc và lãi vay đúng thời hạn quy định.

### 3.2. Phương thức cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội và thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&V) theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

### 3.3. Thời hạn vay vốn

Thời hạn vay vốn tối đa 120 tháng (10 năm). Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét, thỏa thuận với đối tượng vay vốn trên cơ sở căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn.

### 3.4. Mức vay

- Mức vay tối đa là 100 triệu đồng/01 lao động.
- Mức vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

### 3.5. Lãi suất vay vốn và lãi suất nợ quá hạn

Lãi suất vay vốn, lãi suất nợ quá hạn, thực hiện theo quy định hiện hành đối với chương trình cho vay giải quyết việc làm theo quy định của Chính phủ theo từng thời kỳ.

### 3.6. Điều kiện bảo đảm tiền vay

Người lao động vay vốn không phải đảm bảo tiền vay.

### 3.7. Xử lý nợ bị rủi ro vốn vay, quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

Xử lý nợ bị rủi ro vốn vay, quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 121/2017/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

### 3.8. Các quy định khác về nghiệp vụ cho vay như:

Quy trình, hồ sơ, thủ tục cho vay, thẩm định, phê duyệt hồ sơ vay vốn, tổ chức giải ngân, định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi, xử lý nợ đến hạn, kiểm tra, giám sát, hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn,... thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.



## Phần thứ ba

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### I. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BAN, NGÀNH CÓ LIÊN QUAN

##### 1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán ngân sách và quản lý nguồn ngân sách bổ sung hàng năm để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương;

- Chủ trì giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Đề án; kiểm tra, giám sát; tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định, và báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất các chính sách và các chương trình, giải pháp, tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan đến lĩnh vực lao động, việc làm cho người lao động;

- Chỉ đạo các Phòng Lao động - Thương binh Xã hội huyện, thành phố phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc triển khai cho vay, kiểm tra và tuyên truyền hộ vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo và giải quyết việc làm của địa phương.

##### 2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, lập dự toán ngân sách địa phương hàng năm bổ sung vốn cho vay hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Đề án này, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước hàng năm để thực hiện Ký hợp đồng ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội, chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay;

- Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước tỉnh Ninh Thuận thẩm định bộ hồ sơ vay vốn bị rủi ro theo đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay để Ngân hàng Chính sách xã hội trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

### **3. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh**

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người lao động ở các địa phương trong vùng thực hiện Đề án để đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng và các quy định của Đề án này;

- Tham mưu và tranh thủ sự lãnh đạo của Cấp uỷ, chính quyền địa phương, Ban đại diện Hội đồng quản trị tỉnh và cấp huyện để thực hiện có hiệu quả Đề án này; phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định; phối hợp lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Thực hiện quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay theo quy định;

- Thực hiện báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm và đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn ủy thác để cho vay theo Đề án.

### **4. Các tổ chức chính trị - xã hội**

- Tuyên truyền cho hội viên về các chính sách và hoạt động của Đề án; hướng dẫn hội viên xây dựng dự án vay vốn và sử dụng vốn hiệu quả sau khi vay; vận động các hội viên tự tạo việc làm và tạo nhiều chỗ việc làm mới cho người lao động;

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung nhận ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội, chú trọng thực hiện kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi cho vay;

- Chỉ đạo tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở phối hợp trong việc bình xét, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã xét duyệt cho vay đúng đối tượng thụ hưởng; thực hiện tốt hợp đồng ủy thác cho vay với Ngân hàng Chính sách xã hội; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc cho vay, kiểm tra đôn đốc thu hồi nợ, tuyên truyền vận động các hộ vay vốn và sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả góp phần thực hiện chương trình giảm nghèo và giải quyết việc làm của địa phương.

### **5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và nội dung Đề án, xây dựng kế hoạch giải quyết việc làm tại địa phương. Tổ chức thực hiện lồng ghép Đề án này với Chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn, các chương trình dự án khác để giải quyết việc làm có hiệu quả;

- Chỉ đạo cho các UBND các xã, phường, thị trấn phổ biến tuyên truyền nội dung chính sách của Đề án cho người lao động trên địa bàn biết và nắm

được chính sách hỗ trợ của địa phương;

- Phối hợp với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp triển khai thực hiện hiệu quả Đề án này.

### **6. Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn**

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo quy định tại Đề án này;

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn;

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn...hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan, có ý kiến về đề nghị xử lý rủi ro của người vay theo quy định; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi...;

- Có trách nhiệm xử lý trong phạm vi thẩm quyền đối với các tập thể, cá nhân, hộ vay vốn thực hiện sai quy định theo Đề án này và các quy định hiện hành trên địa bàn quản lý.

### **7. Trách nhiệm của người vay, đại diện cơ sở sản xuất kinh doanh**

- Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác;

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

- Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định;

- Chấp hành các quy định có liên quan trong Đề án này.

## **II. KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Các cơ quan, ban ngành có liên quan căn cứ trách nhiệm tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án. Những tổ chức, cá nhân có thành tích thực hiện tốt Đề án được khen thưởng theo quy định Luật Thi đua - Khen thưởng. Những tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định cho vay sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cho vay hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn ngân sách địa phương đối với các phường, thị trấn và các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 9/07/2015 của Chính phủ;*

*Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động Thương binh xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2015/TT-BLĐTBXH;*

*Thông tư số 54/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số /TTr-SLĐTBXH ngày tháng năm 2020,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cho vay hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn ngân sách địa phương đối với các phường, thị trấn và các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 gồm:

1. Tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho người lao động; giúp người thất nghiệp, người thiếu việc làm tự tạo việc làm, qua đó từng bước nâng cao điều kiện sống của những hộ có thu nhập thấp; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các xã nông thôn mới, các xã thuộc vùng khó khăn đã đạt chuẩn nông thôn mới. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, giúp giữ vững và nâng cao các tiêu chí của xã nông thôn mới, góp phần giảm nghèo bền vững.

2. Nguồn vốn từ ngân sách địa phương cấp hàng năm cộng với nguồn vốn của Trung ương phân bổ, nâng mức vay bình quân lên khoảng 45-50 triệu đồng/01 lao động (vì hiện nay tỉnh ta cho vay mức vay bình quân 30 triệu đồng/01 lao động. Căn cứ theo Nghị định 74/2019/NĐ-CP ngày 13/9/2019 là áp dụng mức cho vay tối đa là 100 triệu đồng/01 lao động).

3. Việc cho vay tạo việc làm và duy trì mở rộng việc làm với mục đích chính là nhằm giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động, giảm bớt lượng lao động đi tìm kiếm việc làm ngoài tỉnh, góp phần tích cực nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động và gia đình, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

4. Ngoài ra, tiếp tục duy trì tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn ở mức trên 90% (hiện nay là 85%). Giảm thiểu tối đa việc thiếu việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp hàng năm và duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở mức dưới 2% đến cuối năm 2025.

5. Giải pháp thực hiện chính sách: Mỗi năm Ngân sách địa phương ủy thác thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Ninh Thuận 10 (mười) tỷ đồng để hỗ trợ cho người lao động có nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm. Đáp ứng được 10% lao động có nhu cầu cần vay vốn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- TT. HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Lưu: VPUB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

